

BÀI 5: BẢO MẬT THÔNG TIN TRONG CÁC HỆ CSDL

Câu 1: Phát biểu nào dưới đây *không* phải là bảo mật thông tin trong hệ CSDL?

- A. Ngăn chặn các truy cập không được phép
- B. Hạn chế tối đa các sai sót của người dùng
- C. Đảm bảo thông tin không bị mất hoặc bị thay đổi ngoài ý muốn
- D. Không chế số người sử dụng CSDL

Câu 2: Các giải pháp cho việc bảo mật CSDL gồm có:

- A. Phân quyền truy cập, nhận dạng người dùng, mã hoá thông tin và nén dữ liệu, lưu biên bản.
- B. Phân quyền truy cập, nhận dạng người dùng, mã hoá thông tin và nén dữ liệu, chính sách và ý thức, lưu biên bản, cài đặt mật khẩu
- C. Nhận dạng người dùng, mã hoá thông tin và nén dữ liệu, chính sách và ý thức, lưu biên bản.
- D. Phân quyền truy cập, nhận dạng người dùng; mã hoá thông tin và nén dữ liệu; chính sách và ý thức; lưu biên bản.

Câu 3: Bảo mật CSDL:

- A. Chỉ quan tâm bảo mật dữ liệu
- B. Chỉ quan tâm bảo mật chương trình xử lý dữ liệu
- C. Quan tâm bảo mật cả dữ liệu và chương trình xử lý dữ liệu
- D. Chỉ là các giải pháp kỹ thuật phần mềm.

Câu 4: Chọn các phát biểu *sai* trong các phát biểu dưới đây?

- A. Bảo mật hạn chế được thông tin không bị mất hoặc bị thay đổi ngoài ý muốn
- B. Có thể thực hiện bảo mật bằng giải pháp phần cứng
- C. Hiệu quả của bảo mật chỉ phụ thuộc vào hệ QTCSDL và chương trình ứng dụng
- D. Hiệu quả bảo mật phụ thuộc rất nhiều vào các chủ trương, chính sách của chủ sở hữu thông tin và ý thức của người dùng.

Câu 5: Bảng phân quyền cho phép :

- A. Phân các quyền truy cập đối với người dùng
- B. Giúp người dùng xem được thông tin CSDL.
- C. Giúp người quản lý xem được các đối tượng truy cập hệ thống.
- D. Đếm được số lượng người truy cập hệ thống.

Câu 6: Người có chức năng phân quyền truy cập là:

- A. Người dùng
- B. Người viết chương trình ứng dụng.
- C. Người quản trị CSDL.
- D. Lãnh đạo cơ quan.

Câu 7: Trong các phát biểu sau, phát biểu nào sai ?

- A. Bảng phân quyền truy cập cũng là dữ liệu của CSDL
- B. Dựa trên bảng phân quyền để trao quyền truy cập khác nhau để khai thác dữ liệu cho các đối tượng người dùng khác nhau
- C. Mọi người đều có thể truy cập, bổ sung và thay đổi bảng phân quyền
- D. Bảng phân quyền không giới thiệu công khai cho mọi người biết

Câu 8: Nhận dạng người dùng là chức năng của:

- A. Người quản trị.
- B. CSDL
- C. Hệ quản trị CSDL
- D. Người đứng đầu tổ chức.

Câu 9: Trong bảng phân quyền, các quyền truy cập dữ liệu, gồm có:

- A. Đọc dữ liệu.
- B. Xem, bổ sung, sửa, xóa và không truy cập dữ liệu
- C. Thêm dữ liệu
- D. Xem, sửa, bổ sung và xóa dữ liệu.

Câu 10: Trong một trường THPT có xây dựng một CSDL quản lý điểm Học Sinh. Người Quản trị CSDL có phân quyền truy cập cho các đối tượng truy cập vào CSDL. Theo em cách phân quyền nào dưới đây hợp lý:

- A. HS: Xem; GVBM: Xem, Bổ sung; BGH: Xem, sửa, xoá.
- B. HS: Xem; GVBM: Xem, Bổ sung, sửa, xoá; BGH: Xem, Bổ sung.
- C. HS: Xem; GVBM: Xem, Bổ sung, sửa, xoá; BGH: Xem.
- D. HS: Xem, Xoá; GVBM: Xem, Bổ sung, sửa, xoá; BGH: Xem, Bổ sung, sửa, xoá.

Câu 11: Các yếu tố tham gia trong việc bảo mật hệ thống như mật khẩu, mã hoá thông tin cần phải:

- A. Không được thay đổi để đảm bảo tính nhất quán.
- B. Chỉ nên thay đổi nếu người dùng có yêu cầu.
- C. Phải thường xuyên thay đổi để tăng cường tính bảo mật.
- D. Chỉ nên thay đổi một lần sau khi người dùng đăng nhập vào hệ thống lần đầu tiên.

Câu 12: Để nhận dạng người dùng khi đăng nhập vào CSDL, ngoài mật khẩu người ta còn dùng các cách nhận dạng nào sau đây:

- A. Hình ảnh
- B. Âm thanh
- C. Chứng minh nhân dân.
- D. Giọng nói, dấu vân tay, võng mạc, chữ ký điện tử.

Câu 13: Thông thường, người dùng muốn truy cập vào hệ CSDL cần cung cấp:

- A. Hình ảnh.
- B. Chữ ký.

C. Họ tên người dùng.

D. Tên tài khoản và mật khẩu.

Câu 14: Trong các phát biểu sau, phát biểu nào *không* phải là chức năng của biên bản hệ thống?

A. Lưu lại số lần truy cập vào hệ thống.

B. Lưu lại thông tin của người truy cập vào hệ thống.

C. Lưu lại các yêu cầu tra cứu hệ thống.

D. Nhận diện người dùng để cung cấp dữ liệu mà họ được phân quyền truy cập.

Câu 15: Phát biểu nào dưới đây *sai* khi nói về mã hoá thông tin?

A. Các thông tin quan trọng và nhạy cảm nên lưu trữ dưới dạng mã hoá.

B. Mã hoá thông tin để giảm khả năng rò rỉ thông tin.

C. Nén dữ liệu cũng góp phần tăng cường tính bảo mật của dữ liệu.

D. Các thông tin sẽ được an toàn tuyệt đối sau khi đã được mã hoá.

Câu 16: Câu nào *sai* trong các câu dưới đây?

A. Hệ quản trị CSDL không cung cấp cho người dùng cách thay đổi mật khẩu

B. Nên định kì thay đổi mật khẩu

C. Thay đổi mật khẩu để tăng cường khả năng bảo vệ mật khẩu

D. Hệ quản trị CSDL cung cấp cho người dùng cách thay đổi mật khẩu

Câu 17: Câu nào *sai* trong các câu dưới đây khi nói về chức năng lưu biên bản hệ thống?

A. Cho biết số lần truy cập vào hệ thống, vào từng thành phần của hệ thống, vào từng yêu cầu tra cứu, ...

B. Cho thông tin về một số lần cập nhật cuối cùng

C. Lưu lại nội dung cập nhật, người thực hiện, thời điểm cập nhật

D. Lưu lại các thông tin cá nhân của người cập nhật

Câu 18: Để nâng cao hiệu quả của việc bảo mật, ta cần phải:

A. Thường xuyên sao chép dữ liệu

B. Thường xuyên thay đổi các tham số của hệ thống

bảo vệ

C. Thường xuyên nâng cấp phần cứng, phần mềm

D. Nhận dạng người dùng bằng mã hoá